

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 152/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vinh;

2. Bà Phạm Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187A/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số MC, lộ MM, tổ MC, ấp T T, xã T T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quý P, sinh năm 1990; chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1991; cùng nơi cư trú: Số SB, ấp T T, xã T B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Tổ MC, ấp T T, xã T T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23-02-2022, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Lê Ngọc T trình bày:

Do có quan hệ họ hàng, chị có cho anh Lê Quý P, chị Nguyễn Thị Thảo N vay tiền nhiều lần. Đến ngày 15-6-2019 chốt nợ anh P viết giấy nợ cho bà số tiền 246.300.000 đồng, anh P và chị N cùng ký tên; việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 21-6-2020 âm lịch trả hết. Quá trình vay tiền anh P, chị N trả được 196.300.000 đồng, còn nợ lại số tiền

50.000.000 đồng; hứa đến tháng 6-2021 trả hết nhưng đến nay không trả, chị đã nhiều lần đến gặp anh P, chị N đòi tiền; anh P, chị N hứa và xin cho thời gian để đi làm kiếm tiền trả nhưng không thực hiện. Nay yêu cầu anh P, chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 15-9-2022 của bị đơn anh Lê Quý P trình bày:* Do anh và chị T có mối quan hệ bà con chú bác ruột nên ngày 21-01-2018 âm lịch anh có mượn của chị T số tiền 246.300.000 đồng, thời gian trả là 02 năm 6 tháng để thuê vườn mãng cầu; sau đó vợ chồng anh đã trả cho chị T được 196.300.000 đồng còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu vợ chồng anh số tiền 50.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo N vắng mặt; Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng không đến Tòa án và cũng không có bản trình bày ý kiến nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị Quyết số: 326 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc Thuận buộc anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng; về án phí và chi phí tố tụng anh Phát, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 15-6-2019 nội dung thể hiện anh Lê Quý P có mượn của chị Lê Ngọc T số tiền 246.300.000 đồng, thời gian trả là 02 năm 6 tháng; ngày mượn 24-01-2018 ÂL.

Ngày 09-10-2018 ÂL vợ P có trả cho chị T 20.000.000 đồng;

Ngày 16-02-2019 vợ chồng P có trả cho chị T 30.000.000 đồng;

Ngày 16-7-2019 ÂL 05 tháng nữa vợ chồng P sẽ gửi tiếp cho chị T 50.000.000 đồng, tới tháng 02-2020 trả cho chị T 70.000.000 đồng, còn lại tới ngày 21-6-2020 ÂL trả tiếp.

Ngày 10-7-2019 ÂL có trả số tiền 50.000.000 đồng, ngày 13-02-2020 ÂL trả 70.000.000 đồng và đã trả thêm 20.000.000 đồng

[2.1] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án ngày 15-9-2022 anh Lê Quý P có bản tự khai trình bày: Do anh và chị T có mối quan hệ bà con chú bác ruột nên ngày 21-01-2018 ÂL anh có mượn của chị T số tiền 246.300.000 đồng, thời gian trả là 02 năm 6 tháng để thuê vườn măng cầu; sau đó vợ chồng anh đã trả cho chị Thuận được 196.300.000 đồng còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 50.000.000 đồng, anh đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng.

[2.2] Còn đối với chị Nguyễn Thị Thảo N Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị N không có bản trình bày ý kiến và cũng không đến tòa án.

[2.3] Ngày 20-6-2022 chị Lê Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án cho trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N trên giấy mượn tiền. Tại kết luận giám định số: 915/KL-KTHS ngày 24-8-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, chữ viết mang tên Lê Quý P trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Thảo N, Lê Quý P trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01, M02) là do cùng một người viết ra; Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thảo N, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ ký đúng tên Nguyễn Thị Thảo N, trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M02) là do cùng một người ký ra; chữ ký mang tên Lê Quý P, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ ký đúng tên Lê Quý P trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) không đủ cơ sở kết luận. Do đó có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Ngọc T đối với anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N.

[3] Xét về chứng cứ: Căn cứ giấy mượn tiền ngày 15-6-2019; quá trình giải quyết vụ án tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị T xác định giấy mượn tiền chị cung cấp là đúng do anh Phát viết và ký tên cùng chị N; cũng như tại Kết luận giám định số: 915/KL-KTHS ngày 24-8-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thảo N trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Thảo N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M02) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết mang tên Lê Quý P trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ viết đúng tên Lê Quý P trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thảo N trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01) với chữ ký đúng tên Nguyễn Thị Thảo N, trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M02) là do cùng một người ký ra.

Do đó có cơ sở xác định chứng cứ trong vụ án là đúng sự thật.

[4] Xét về việc xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng của anh P, tại phiên tòa chị T không đồng ý. Xét thấy căn cứ vào Điều 6 của Luật Thi hành án dân sự có quy định về thỏa thuận thi hành án nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc T đối với anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N; buộc anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N có trách nhiệm trả cho chị Lê Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng; về án phí và chi phí tố tụng anh P, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T đối với anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N; buộc anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N có trách nhiệm trả cho bà Lê Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận nên anh P, chị N phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự; chị T không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số: 0000839 ngày 07-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

[8] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Lê Ngọc T chịu tiền giám định 2.970.000 đồng, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T đối với anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N; buộc anh Lê Quý P và chị Nguyễn Thị Thảo N có trách nhiệm trả cho chị Lê Ngọc Thuận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2. Án phí sơ thẩm dân sự:

- Anh Lê Quý P, chị Nguyễn Thị Thảo N phải chịu 2.500.000 đồng.

- Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số: 0000839 ngày 07-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Lê Ngọc T chịu tiền giám định 2.970.000 đồng, đã nộp đủ.

4. Kể từ ngày chị Lê Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Quý Phát và chị Nguyễn Thị Thảo N chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Phan Tuyến

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tại biên bản xác minh ngày 08-7-2021 và ngày 18-11-2021 địa phương cung cấp thông tin anh Phan Thiên Sang sinh năm 1984 và chị Phạm Thị Thương sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 51B, đường Nguyễn Văn Bạch, khu phố 5, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nhưng anh Sang và chị Thương không thường xuyên sinh sống và hiện nay nhà tại địa chỉ trên khóa cửa không ai sinh sống nên Tòa án

